

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 757/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Theo đề nghị của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Quyết định số 2398/QĐ-BTC ngày 21/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Quyết định số 2399/QĐ-BTC ngày 21/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực kể từ ngày Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam bắt đầu hoạt động

theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ thành lập tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Ban kiểm soát Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, NHNN, Tư Pháp, LĐTĐ, LĐTĐBXH;
- UBND: TP HN, TP HCM;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Công thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCNH. *(30k) mm*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Huỳnh Quang Hải

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
*(Kèm theo Quyết định số 757/QĐ-BTC ngày 01 tháng 4 năm 2021
của Bộ Tài chính)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, loại hình doanh nghiệp, trụ sở và tư cách pháp nhân

1. Tên gọi

- a) Tên gọi đầy đủ: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
- b) Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Exchange.
- c) Tên viết tắt: VNX.
- d) Trụ sở chính: Hà Nội.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng; được mở tài khoản bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại ngân hàng thương mại trong nước và Kho bạc Nhà nước; hạch toán độc lập, thực hiện chế độ tài chính, chế độ báo cáo thống kê, kế toán, kiểm toán và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam là Tổng giám đốc hoặc người được cơ quan đại diện chủ sở hữu giao Quyền Tổng giám đốc hoặc người được giao phụ trách bộ máy điều hành (sau đây gọi chung là Tổng giám đốc).

5. Các công ty do Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ bao gồm:

- a) Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

b) Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Mục tiêu và chức năng hoạt động

Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con được thành lập để thực hiện chức năng tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán, góp phần đảm bảo hoạt động giao dịch chứng khoán tại các Sở Giao dịch Chứng khoán được tiến hành công khai, công bằng, trật tự, an toàn và hiệu quả; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư tham gia giao dịch chứng khoán.

Điều 3. Vốn điều lệ và vốn hoạt động

1. Vốn điều lệ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam là 3.000 tỷ đồng theo quy định tại Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg).

2. Việc điều chỉnh vốn điều lệ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Vốn hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam bao gồm: vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp, vốn huy động và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam bao gồm:

a) Hội đồng thành viên;

b) Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc bao gồm: các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các ban chuyên môn;

c) Ban kiểm soát.

2. Việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam quy định tại Khoản 1 Điều này do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Cơ cấu tổ chức các ban chuyên môn do Hội đồng thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam quyết định sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 5. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ

nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

Chương II **NHIỆM VỤ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ** **CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Điều 6. Nhiệm vụ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn và tài sản của nhà nước theo chế độ tài chính đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến tổ chức và vận hành thị trường giao dịch chứng khoán theo Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg và quy định của pháp luật chứng khoán.

3. Tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch kinh doanh 05 năm và hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và phân công của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 7. Quyền của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

1. Quyền đối với vốn, tài sản, hoạt động tài chính và đầu tư

a) Quản lý, sử dụng vốn và tài sản để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn và tuân thủ quy định của pháp luật;

b) Huy động vốn theo quy định của pháp luật để phát triển hạ tầng công nghệ thông tin của thị trường chứng khoán. Việc huy động vốn phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận về chủ trương, theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn huy động và không được làm thay đổi hình thức sở hữu của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

c) Đầu tư vốn vào các công ty con do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ (bao gồm Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh), để tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán, Quyết định số

37/2020/QĐ-TTg và quy định tại Điều lệ này;

d) Đầu tư dự án, đầu tư ra ngoài doanh nghiệp trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, góp vốn với các tổ chức kinh tế khác để phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và phát triển các dịch vụ chứng khoán trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam nhằm mục tiêu phát triển thị trường chứng khoán sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận về chủ trương; trường hợp có liên quan đến nghiệp vụ chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam lấy ý kiến về mặt nghiệp vụ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi trình cơ quan đại diện chủ sở hữu có ý kiến. Việc quản lý dự án đầu tư, đầu tư ra ngoài doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật;

đ) Thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản theo quy định của pháp luật;

e) Nghiên cứu, đề xuất với cơ quan đại diện chủ sở hữu về các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động tài chính và đầu tư, quản lý vốn và tài sản của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con.

2. Quyền đối với hoạt động nghiệp vụ

a) Xây dựng và ban hành các quy chế về niêm yết chứng khoán, giao dịch chứng khoán, công bố thông tin, thành viên của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các quy chế nghiệp vụ khác liên quan đến tổ chức và hoạt động thị trường giao dịch chứng khoán; ban hành tiêu chí giám sát giao dịch; ban hành chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho thành viên của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

b) Chấp thuận, hủy bỏ tư cách thành viên của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam; quản lý, giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm của thành viên theo quy định của pháp luật chứng khoán và làm trung gian hoà giải theo yêu cầu của thành viên khi phát sinh tranh chấp liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán; đề nghị cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch để phục vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo công ty con tổ chức, vận hành thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật, Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

d) Giám sát Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các quy chế hoạt động nghiệp vụ quy

định tại điểm a Khoản này và thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4, Điều 2, Quyết định 37/2020/QĐ-TTg; giám sát chung hoạt động giao dịch chứng khoán trên các Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật; giám sát hoạt động công bố thông tin của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch và nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin, thực hiện nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ nghĩa vụ của thành viên của Sở GDCK Việt Nam theo quy định của pháp luật chứng khoán;

đ) Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống công nghệ thông tin, công nghệ mới, sản phẩm mới; trực tiếp triển khai thực hiện hoặc giao Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện;

e) Hỗ trợ phát triển thị trường chứng khoán thông qua việc đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức;

g) Quản lý, giám sát công ty con theo quy định của pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và Điều lệ này;

h) Cung cấp dịch vụ về thông tin thị trường và thông tin liên quan đến chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch; dịch vụ phát triển hạ tầng công nghệ cho thị trường chứng khoán và các dịch vụ liên quan khác;

i) Hợp tác quốc tế về chứng khoán và thị trường chứng khoán với các Sở giao dịch Chứng khoán trên thế giới, các tổ chức quốc tế;

k) Thu tiền cung cấp dịch vụ chứng khoán và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

l) Nghiên cứu và đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền việc sửa đổi, ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động chứng khoán;

m) Thực hiện các quyền khác theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

3. Quyền của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam đối với công ty con do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ

a) Quyết định thành lập, vốn điều lệ khi thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh của công ty con sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu; điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản công ty con sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b) Phê duyệt, sửa đổi điều lệ của công ty con đảm bảo phù hợp với Điều lệ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

c) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty con đảm bảo phù hợp với chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch kinh doanh của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam; chỉ đạo công ty con và phối hợp giữa các công ty con trong xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch kinh doanh;

d) Ban hành Quy chế quản lý tài chính và Quy chế giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty con; hướng dẫn tổ chức quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người quản lý, người lao động làm việc tại công ty con đảm bảo phù hợp với cơ chế quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, chế độ tiền lương của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và quy định của pháp luật; ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát tại các công ty con;

đ) Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính quý của công ty con tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn, thời điểm quyết định dự án hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn quy định tại Điều lệ của công ty con trừ các trường hợp quy định tại điểm e khoản này;

e) Phê duyệt phương án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của công ty con sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu; phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin của công ty con làm thay đổi mô hình tổ chức hoạt động giao dịch, đăng ký, lưu ký và thanh toán chứng khoán trên thị trường chứng khoán sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu; trường hợp có liên quan đến nghiệp vụ chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam lấy ý kiến về mặt nghiệp vụ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi trình cơ quan đại diện chủ sở hữu có ý kiến.

g) Rà soát, có ý kiến đối với kế hoạch tài chính hàng năm của công ty con để làm cơ sở giám sát, đánh giá hiệu quả kinh doanh của công ty con; phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của công ty con;

h) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc của công ty con sau khi cơ quan đại diện chủ sở

hữu có ý kiến;

i) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với kiểm soát viên của công ty con;

k) Chấp thuận chủ trương về việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, thôi việc đối với chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của công ty con; có ý kiến chấp thuận về cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của công ty con;

l) Quản lý, giám sát công ty con theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, quy định tại Điều lệ này và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty con.

Điều 8. Nghĩa vụ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

1. Nghĩa vụ đối với vốn, tài sản, hoạt động tài chính và đầu tư

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác được cơ quan đại diện chủ sở hữu giao để thực hiện nhiệm vụ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn nhà nước; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm tổn thất các nguồn vốn và tài sản của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

b) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính, báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Nộp các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

d) Chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu, cơ quan đại diện chủ sở hữu, các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan; tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Sở Giao dịch Chứng khoán trong phạm vi vốn được giao theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ trong hoạt động nghiệp vụ

a) Đảm bảo hoạt động giao dịch chứng khoán tại các Sở Giao dịch Chứng khoán được tiến hành công khai, công bằng, trật tự, an toàn và hiệu quả; phát triển và vận hành hệ thống công nghệ thông tin, công nghệ mới cho hoạt động tại các Sở Giao dịch Chứng khoán;

b) Giám sát chung hoạt động giao dịch chứng khoán, hoạt động công bố thông tin của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch và nhà đầu tư thuộc

đối tượng công bố thông tin; giám sát tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch và nhà đầu tư hoạt động trên các thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật;

c) Báo cáo, kiến nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường giao dịch chứng khoán; vi phạm của thành viên của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam; vi phạm của nhà đầu tư, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán;

d) Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán cho nhà đầu tư;

đ) Cung cấp thông tin và phối hợp với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong hoạt động nghiệp vụ chứng khoán; cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong công tác điều tra, phòng, chống vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

e) Chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán;

g) Kịp thời báo cáo, cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài chính phục vụ công tác điều hành thị trường chứng khoán, phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác thanh tra, kiểm tra, và phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán;

3. Nghĩa vụ của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam đối với công ty con do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ

a) Đầu tư đủ vốn điều lệ cho công ty con;

b) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty con;

c) Bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của công ty con.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định khác của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

Điều 9. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Giải quyết tranh chấp liên quan đến thành viên giao dịch

a) Các tranh chấp phát sinh giữa các thành viên giao dịch liên quan đến giao dịch chứng khoán có thể được giải quyết trên cơ sở thương lượng, hòa giải hoặc yêu cầu Trọng tài, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Sở Giao

dịch Chứng khoán Việt Nam có thể thành lập Hội đồng hòa giải để làm trung gian hòa giải các tranh chấp phát sinh giữa các thành viên giao dịch khi có yêu cầu của thành viên giao dịch;

b) Các tranh chấp phát sinh giữa thành viên giao dịch với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Mục 1 HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 10. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên là đại diện trực tiếp được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam để thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Hội đồng thành viên thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ; quyết định, tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 11 Điều lệ này.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên

a) Tuân thủ Điều lệ này, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và quy định của pháp luật;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Nhà nước;

c) Trung thành với lợi ích của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Nhà nước; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Sở Giao dịch Chứng khoán

Việt Nam về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

đ) Chấp hành nghị quyết Hội đồng thành viên;

e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây:

- Lợi dụng danh nghĩa Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác;

- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

g) Trường hợp thành viên Hội đồng thành viên phát hiện thành viên Hội đồng thành viên khác có hành vi vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với cơ quan đại diện chủ sở hữu; yêu cầu thành viên vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

3. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

1. Tiếp nhận, chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam; báo cáo kịp thời cơ quan đại diện chủ sở hữu khi hoạt động kinh doanh thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định gây tổn thất vốn, tài sản của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (kể cả trường hợp thành viên Hội đồng thành viên không có ý kiến biểu quyết).

2. Xây dựng, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch kinh doanh 05 năm; quyết định kế hoạch kinh doanh hàng năm; tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển

và kế hoạch kinh doanh 05 năm và hàng năm theo thẩm quyền sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành và sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

4. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, huy động vốn, đầu tư dự án, đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

a) Xây dựng phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam để trình cấp có thẩm quyền quyết định; xây dựng phương án bổ sung vốn điều lệ để trình cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Xây dựng phương án huy động vốn; đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; đầu tư dự án; xây dựng, mua, bán tài sản cố định; hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản; các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin làm thay đổi mô hình tổ chức hoạt động giao dịch, đăng ký, lưu ký và thanh toán chứng khoán trên thị trường chứng khoán; phương án đầu tư ra nước ngoài để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, chấp thuận theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Điều lệ này;

c) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch kinh doanh 05 năm và hàng năm, quyết định các nội dung sau:

- Quyết định đầu tư dự án; mua sắm tài sản cố định và hợp đồng khác có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính quý của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

- Quyết định từng hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính năm hoặc quý của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản nhưng giá trị còn lại của tài sản cho thuê, thế chấp, cầm cố không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công;

- Quyết định phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính quý của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

d) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, tự chịu mọi rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình huy động, quản lý, sử dụng vốn vay và trả nợ

đúng hạn;

đ) Giám sát, kiểm tra việc thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Tổng giám đốc đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng tài sản, huy động vốn, đầu tư dự án, đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, đầu tư ra nước ngoài sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Quản lý cơ cấu tổ chức và điều hành của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

a) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc và sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b) Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc;

c) Quyết định về cơ cấu tổ chức các ban chuyên môn của bộ máy giúp việc sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

d) Quyết định chức năng nhiệm vụ và cơ chế phối hợp của các ban chuyên môn; quy chế tiêu chuẩn chức danh; quy chế lương, thưởng của người lao động theo quy định của pháp luật về cơ chế tiền lương đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, quy chế tuyển dụng, đào tạo của Sở Giao dịch Chứng khoán trên cơ sở đảm bảo hiệu quả;

đ) Có ý kiến chấp thuận về việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh lãnh đạo của các ban chuyên môn;

e) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, kết quả quản lý điều hành của Tổng giám đốc.

6. Ban hành quy chế hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

a) Ban hành các quy chế về niêm yết chứng khoán, giao dịch chứng khoán, công bố thông tin, thành viên của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các quy chế nghiệp vụ khác liên quan đến tổ chức và hoạt động thị trường giao dịch chứng khoán; ban hành tiêu chí giám sát giao dịch; ban hành chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho thành viên của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

b) Ban hành quy chế quản lý tài sản, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý nợ phải trả của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo đề nghị của Tổng giám đốc trên cơ sở tuân thủ chế độ tài chính áp dụng đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

c) Ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ doanh nghiệp; việc xây dựng, ban hành quy chế phải đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn doanh nghiệp và công khai trong doanh nghiệp;

d) Ban hành Quy chế chi trả lương, thưởng và phụ cấp của người quản lý doanh nghiệp sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

đ) Xây dựng và ban hành các quy trình quản lý phục vụ giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: Quy trình kế hoạch tài chính và dự báo, quy trình kế toán, lập báo cáo tài chính hợp nhất, quy trình quản lý rủi ro tài chính, kế hoạch kinh doanh, quy trình giám sát tài chính;

e) Ban hành quy chế làm việc và việc phân cấp quản lý của Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc;

g) Ban hành Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của người làm việc tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật Chứng khoán năm 2019.

7. Quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và phân phối lợi nhuận

a) Tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động kinh doanh của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

b) Phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm, phương án phân phối và sử dụng lợi nhuận hàng năm sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu có ý kiến;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ sau khi được phê duyệt;

d) Thực hiện đánh giá và xếp loại doanh nghiệp, người quản lý và gửi báo cáo đánh giá và xếp loại hàng năm cho cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, có ý kiến theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý lao động và tiền lương

a) Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt quỹ tiền lương kế

hoạch của người quản lý gắn với kế hoạch kinh doanh, bảo đảm tương quan hợp lý với tiền lương của người lao động;

b) Căn cứ kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh doanh, xác định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện và quỹ tiền thưởng để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt;

c) Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu cho ý kiến về kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện của người lao động;

d) Cung cấp các tài liệu, báo cáo có liên quan đến tình hình thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng khi Ban kiểm soát yêu cầu.

9. Kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

10. Cơ chế báo cáo

a) Định kỳ hàng quý, năm báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu kết quả và tình hình hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

b) Định kỳ hàng năm, Hội đồng thành viên báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu về mức độ bảo toàn vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm, Hội đồng thành viên lập báo cáo giám sát tài chính theo quy định của pháp luật về giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu;

d) Ngoài các báo cáo định kỳ lập và gửi theo quy định nêu trên, Sở Giao dịch Chứng khoán phải thực hiện lập, gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

11. Thực hiện phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền theo quy định tại quy chế làm việc do Hội đồng thành viên ban hành trên cơ sở phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật.

12. Cử đại diện Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp của bộ máy điều hành và các cuộc họp của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam nếu thấy cần thiết.

13. Được sử dụng bộ máy và con dấu của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng thành viên.

14. Quản lý công ty con do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ

a) Phê duyệt các nội dung quy định tại điểm a, b, e, h khoản 3 Điều 7 Điều lệ này sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b) Tổ chức quản lý, giám sát công ty con theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động.

15. Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo phân công của cơ quan đại diện chủ sở hữu và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Cơ cấu thành viên, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn, điều kiện của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên bao gồm Chủ tịch và các thành viên khác. Số lượng thành viên Hội đồng thành viên tối đa là 05 người và do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai (02) nhiệm kỳ, trừ trường hợp đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

3. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu của thành viên Hội đồng thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kiến thức về tài chính và thị trường tài chính;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không thuộc đối tượng không có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

đ) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Sở Giao dịch

Chứng khoán Việt Nam; Kiểm soát viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

e) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp nhà nước;

g) Không phải là người quản lý doanh nghiệp thành viên;

h) Trừ Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng giám đốc của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam hoặc công ty khác không phải là doanh nghiệp thành viên theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

i) Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản này, thành viên Hội đồng thành viên đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 13. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu của Chủ tịch Hội đồng thành viên trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có ý kiến đối với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Chứng khoán năm 2019.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên:

a) Đảm ứng tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này;

b) Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và thị trường tài chính.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nhận vốn, tài sản và các nguồn lực khác do Nhà nước đầu tư cho Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

b) Tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và nghị quyết Hội đồng thành viên;

c) Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng quý và hàng năm của Hội đồng thành viên; chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên; triệu tập, chủ trì và làm

chủ tọa cuộc họp của Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên;

d) Tổ chức thông qua nghị quyết của Hội đồng thành viên;

đ) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, kết quả quản lý, điều hành của Tổng giám đốc;

e) Đình chỉ tạm thời các quyết định trái với pháp luật của Tổng giám đốc và báo cáo Bộ Tài chính;

g) Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng thành viên khác thực hiện nhiệm vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng thành viên về các công việc được uỷ quyền;

h) Quyết định cử thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng đi công tác nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ liên quan đến hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, đồng thời báo cáo với cơ quan đại diện chủ sở hữu để theo dõi;

i) Tổ chức công bố, công khai thông tin về Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực và tính hệ thống của thông tin được công bố;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Chủ tịch Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách. Chủ tịch Hội đồng thành viên không được kiêm Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên

1. Tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

2. Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép, trích lục sổ ghi chép và theo dõi họp đồng, giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác của công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Chế độ làm việc, điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; mỗi quý họp ít nhất một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc quyền, nghĩa vụ của mình.

Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Hội đồng thành viên có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách khi có yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên đề nghị.

2. Cuộc họp của Hội đồng thành viên họp lệ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự. Thành viên Hội đồng thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng thành viên chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên chủ trì cuộc họp của Hội đồng thành viên. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt thì ủy quyền cho thành viên khác trong Hội đồng thành viên chủ trì cuộc họp.

4. Căn cứ vào nội dung và chương trình cuộc họp, khi xét thấy cần thiết, Hội đồng thành viên mời đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự và thảo luận các vấn đề cụ thể trong chương trình cuộc họp. Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết. Các ý kiến phát biểu của đại diện được mời dự họp được ghi đầy đủ vào biên bản của cuộc họp.

5. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên. Các thành viên Hội đồng thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Nội dung và các tài liệu họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên và người được mời dự họp (nếu có) trước ngày họp ít nhất ba (03) ngày làm việc, trừ trường hợp họp bất thường. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến việc kiến nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu sửa đổi, bổ sung Điều lệ, thông qua phương hướng phát triển, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam phải được gửi đến các thành viên chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp.

6. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên và người được mời dự họp. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Hình thức họp trực tuyến có thể được áp dụng khi cần thiết.

7. Nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua bằng một trong hai hình thức sau đây:

- a) Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên;
- b) Lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp không tổ chức họp.

8. Nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên tham dự biểu quyết tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì nội dung có phiếu tán thành của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền chủ trì cuộc họp là nội dung được thông qua. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình và kiến nghị lên cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trường hợp lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản, nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng thành viên.

9. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các nghị quyết được Hội đồng thành viên thông qua và kết luận của các cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thời gian, địa điểm, mục đích, chương trình họp; danh sách thành viên dự họp; vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên, đại diện được mời dự họp về từng vấn đề thảo luận;

- b) Số phiếu biểu quyết tán thành và không tán thành đối với trường hợp không áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng; số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với trường hợp áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng;

- c) Các quyết định được thông qua;

- d) Họ, tên, chữ ký của thành viên dự họp.

10. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo quy chế thông tin do Hội đồng thành viên quy định hoặc theo nghị quyết Hội đồng thành viên. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của

thành viên Hội đồng thành viên, trừ trường hợp Hội đồng thành viên có quyết định khác.

11. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên (gồm tiền lương, phụ cấp và thù lao cho các thành viên Hội đồng thành viên) và các chuyên gia, cố vấn, các bộ phận giúp việc cho Hội đồng thành viên được tính vào chi phí quản lý của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật. Tổng giám đốc bảo đảm các điều kiện và phương tiện cần thiết cho hoạt động của Hội đồng thành viên và các bộ phận giúp việc của Hội đồng thành viên.

12. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên thành lập các hội đồng khoa học, hội đồng chỉ số, hội đồng chuyên môn về sản phẩm mới, nghiệp vụ mới liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán; tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn, chi phí cho hoạt động của hội đồng theo quy định tại quy chế quản lý tài chính.

13. Nghị quyết của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong nghị quyết, trừ các trường hợp phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

Mục 2 **BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH**

Điều 16. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ và các quyết định của Hội đồng thành viên, cơ quan đại diện chủ sở hữu; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu của Tổng giám đốc trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có ý kiến đối với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Chứng khoán năm 2019. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ đại học trở lên với chuyên ngành phù hợp, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý điều hành; có chuyên môn và ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và thị trường tài chính;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng; Kiểm soát viên;

d) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác;

đ) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

e) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc tại doanh nghiệp nhà nước khác;

g) Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản này, Tổng giám đốc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Xây dựng và đề xuất chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch kinh doanh năm (05) năm và hàng năm của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam để báo cáo Hội đồng thành viên phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện kế hoạch này sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo phân công của Hội đồng thành viên.

2. Xây dựng và đề xuất các quy chế quản lý nội bộ và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam để báo cáo Hội đồng thành viên ban hành hoặc ban hành theo phân cấp của Hội đồng thành viên.

3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Sở Giao dịch Chứng khoán trong phạm vi thẩm quyền được giao.

4. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Sở Giao

dịch Chứng khoán Việt Nam; tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

5. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam:

a) Đề xuất phương án huy động vốn; đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; xây dựng, mua, bán tài sản cố định; hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản; các dự án đầu tư; phương án đầu tư ra nước ngoài để báo cáo Hội đồng thành viên phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt;

b) Quyết định mức khấu hao tài sản cố định theo khung thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính; quyết định việc mua sắm tài sản cố định; cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; thanh lý, nhượng bán; ký hợp đồng, thỏa thuận theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên quy định tại quy chế làm việc của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

c) Chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật và theo quy chế sử dụng các quỹ này;

d) Đề xuất phương án phân bổ, sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác.

6. Quản lý cơ cấu tổ chức và nhân sự của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

a) Xây dựng kế hoạch nhân sự, chế độ tiền lương, thưởng, tiêu chuẩn, chế độ về cán bộ, quy hoạch đào tạo của Sở Giao dịch Chứng khoán trình Hội đồng thành viên phê duyệt và tổ chức thực hiện;

b) Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, tuyển dụng, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh lãnh đạo các ban chuyên môn sau khi có ý kiến của Hội đồng thành viên; Điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, tuyển dụng, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với người lao động trong Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên và cơ quan đại diện chủ sở hữu;

c) Đề nghị Hội đồng thành viên về việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

d) Quyết định lương đối với người lao động và thực hiện trả lương, thù lao, tiền thưởng cho người lao động theo quy định của pháp luật về cơ chế tiền lương đối với Sở Giao dịch Chứng khoán;

đ) Đề nghị Hội đồng thành viên thành lập, thay đổi cơ cấu, chức năng nhiệm vụ của các ban chuyên môn;

e) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

7. Quản lý hoạt động nghiệp vụ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

a) Xây dựng đề báo cáo Hội đồng thành viên ban hành các quy chế về niêm yết chứng khoán, giao dịch chứng khoán, công bố thông tin, thành viên của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các quy chế nghiệp vụ khác liên quan đến tổ chức và hoạt động thị trường giao dịch chứng khoán; tiêu chí giám sát giao dịch; chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho thành viên của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

b) Quyết định chấp thuận, đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam; quản lý, giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm của thành viên theo quy định của pháp luật chứng khoán và làm trung gian hoà giải theo yêu cầu của thành viên khi phát sinh tranh chấp liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;

c) Tổ chức giám sát Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trong việc thực hiện các quy chế hoạt động nghiệp vụ quy định tại điểm a Khoản này và trong việc thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động giao dịch chứng khoán; tổ chức giám sát chung hoạt động giao dịch chứng khoán, hoạt động công bố thông tin của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch và nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin; giám sát tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch và nhà đầu tư hoạt động trên các thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật;

d) Xây dựng và báo cáo Hội đồng thành viên phê duyệt kế hoạch phát triển hệ thống công nghệ thông tin, công nghệ mới, sản phẩm mới; tổ chức triển khai thực hiện hoặc báo cáo Hội đồng thành viên giao Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện;

đ) Tổ chức triển khai hoạt động hợp tác quốc tế với các Sở giao dịch Chứng khoán trên thế giới, các tổ chức quốc tế về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

e) Báo cáo Hội đồng thành viên đề báo cáo, kiến nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường giao dịch chứng khoán; vi phạm của thành viên của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam; vi phạm của nhà đầu tư, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định và chịu trách nhiệm về các hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho sự phát triển của thị trường chứng khoán trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo phân cấp của Hội đồng thành viên.

8. Lập và trình Hội đồng thành viên báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh; kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

9. Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Đại diện cho Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam trong quan hệ quốc tế, tổ tụng, tranh chấp.

10. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay với Hội đồng thành viên.

11. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Hội đồng thành viên quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với chức danh Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận chủ trương đối với việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, thôi việc đối với chức danh Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Số lượng Phó Tổng giám đốc của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

2. Phó Tổng giám đốc có nhiệm vụ tham mưu giúp Tổng giám đốc trong việc điều hành Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Tổng giám đốc giao phù hợp với Điều lệ này, chịu trách nhiệm

trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Kế toán trưởng

a) Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam; giúp Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;

b) Kế toán trưởng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện quy định trong Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

4. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 19. Các ban chuyên môn của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

1. Các ban chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành. Hội đồng thành viên được quyền sử dụng các ban chuyên môn của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên.

2. Nhiệm vụ, chức năng của các ban được quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam do Hội đồng thành viên phê duyệt.

3. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có thể đề nghị Hội đồng thành viên xem xét, quyết định việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc và số lượng biên chế để phù hợp với yêu cầu hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

4. Các ban có trách nhiệm báo cáo Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các ban theo yêu cầu của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc.

5. Tổng giám đốc quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh lãnh đạo các ban chuyên môn sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng thành viên.

6. Cán bộ, nhân viên, người lao động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam trong khi thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải tuân thủ quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy định về bảo mật thông tin và quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 3 **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 20. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 01 đến 03 Kiểm soát viên do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định. Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách, trong đó có 01 Trưởng Ban phụ trách hoạt động của Ban kiểm soát. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 kiểm soát viên thì kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu của kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Quy trình, thủ tục quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu kiểm soát viên thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Bộ Tài chính lựa chọn, quyết định bổ nhiệm công chức, viên chức do mình quản lý làm kiểm soát viên và có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp cho công chức, viên chức khi thôi làm kiểm soát viên.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện của kiểm soát viên

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, có trình độ đại học trở lên, có khả năng thực hiện kiểm soát và có kinh nghiệm nghề nghiệp về tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc kinh nghiệm thực tế về chứng khoán và thị trường chứng khoán từ ba (03) năm trở lên. Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm nghề nghiệp về tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc kinh nghiệm thực tế về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng; kiểm soát viên khác của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

d) Không được là người quản lý Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được đồng thời là kiểm soát viên, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

đ) Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản này, Kiểm soát viên đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

5. Chế độ tiền lương, tiền thưởng của Ban kiểm soát thực hiện theo quy định pháp luật về cơ chế tiền lương đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

6. Ban kiểm soát xây dựng, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu phát triển, kế hoạch kinh doanh của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

b) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

c) Giám sát và đánh giá việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc;

d) Giám sát và đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo và các quy chế quản trị nội bộ khác của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

đ) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam với các bên có liên quan;

g) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư; hợp đồng, giao dịch mua, bán và

giao dịch kinh doanh khác có quy mô hoặc giao dịch kinh doanh bất thường của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

h) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên;

i) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu và theo quy định hiện hành của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Ban kiểm soát có các quyền sau đây:

a) Tham gia các cuộc họp Hội đồng thành viên, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Hội đồng thành viên; chất vấn Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

b) Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

c) Yêu cầu Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

d) Yêu cầu người quản lý Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

đ) Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

e) Quyền khác quy định của pháp luật.

Mục 4
MỐI QUAN HỆ GIỮA TỔNG GIÁM ĐỐC, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Quan hệ giữa Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát trong quản lý, điều hành

1. Trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này, thường xuyên cung cấp thông tin, trao đổi tham vấn ý kiến trước khi quyết định.

2. Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và chỉ đạo Tổng giám đốc tổ chức, thực hiện. Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên giám sát Tổng giám đốc thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên.

3. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên và báo cáo Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên về kết quả thực hiện. Nếu phát hiện vấn đề không phù hợp với lợi ích chính đáng của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam hoặc trái với quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của Sở Giao dịch Chứng khoán thì Tổng giám đốc phải báo cáo ngay với Hội đồng thành viên để xem xét điều chỉnh lại. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Trường hợp quyết định của Tổng giám đốc không đúng với quy định của pháp luật hoặc không phù hợp với lợi ích chính đáng của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc điều chỉnh lại.

4. Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát hoạt động theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát do cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành.

5. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên do Tổng giám đốc chủ trì. Tại cuộc họp này, Chủ tịch Hội đồng thành viên dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

6. Tổng giám đốc tham gia các cuộc họp của Hội đồng thành viên với tư

cách là thành viên Hội đồng thành viên, đồng thời là đại diện ban điều hành. Trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng thành viên tham gia dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

7. Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin như sau:

a) Nội dung và thời hạn gửi báo cáo, công bố thông tin:

Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin về nội dung và thời hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, và các văn bản hướng dẫn về chế độ báo cáo và công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

b) Nơi nhận báo cáo:

Các báo cáo đối với cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều này được gửi Bộ Tài chính (thông qua Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính) để quản lý, giám sát theo quy định của pháp luật.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

Điều 23. Quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu

Bộ Tài chính thực hiện các quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), bao gồm:

1. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu và sắp xếp lại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam trong quá trình hoạt động; thẩm định hồ sơ, phương án bổ sung vốn điều lệ; việc bổ sung vốn điều lệ cho Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Ban hành Điều lệ và Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo đề nghị của Hội đồng thành viên. Ban hành quy chế tài chính và quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Sở Giao dịch

Chứng khoán Việt Nam theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

4. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

5. Quản lý, giám sát hoạt động tài chính và đầu tư của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

a) Xem xét, chấp thuận phương án huy động vốn, đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

b) Xem xét, chấp thuận các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin làm thay đổi mô hình tổ chức hoạt động giao dịch, đăng ký, lưu ký và thanh toán chứng khoán trên thị trường chứng khoán;

c) Xem xét, phê duyệt các dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án hoặc trên mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công, trừ các dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản này;

d) Xem xét, quyết định trước khi Hội đồng thành viên ký các hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản hoặc giá trị còn lại của tài sản thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố trên mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công;

đ) Phê duyệt phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản hoặc trên mức dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

e) Rà soát và có ý kiến đối với kế hoạch tài chính hàng năm của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam để làm cơ sở giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

6. Quản lý cán bộ và cơ cấu tổ chức quản lý của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

a) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng

giám đốc và kiểm soát viên;

b) Có ý kiến chấp thuận chủ trương về việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, thôi việc đối với chức danh Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;

c) Quyết định cử đi công tác nước ngoài đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và kiểm soát viên;

d) Có ý kiến về cơ cấu tổ chức các ban chuyên môn của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

đ) Thực hiện quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Giám sát thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý, kiểm soát viên và phương án phân phối lợi nhuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, bao gồm:

a) Thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp hàng năm theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện đánh giá kết quả hoạt động quản lý, điều hành của người quản lý doanh nghiệp và kiểm soát viên theo quy định của pháp luật;

c) Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

8. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát.

9. Xem xét, có ý kiến với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam trong việc quản lý công ty con đối với các nội dung quy định tại điểm a, b, e, h Khoản 3 Điều 7 Điều lệ này.

10. Giám sát, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam; có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Nghĩa vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
2. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
3. Bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương V
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN

Điều 25. Chế độ tài chính - kế toán của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam thực hiện chế độ tài chính và chế độ kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật.
2. Chế độ tiền lương, thưởng của người quản lý và người lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, người lao động công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và cơ chế tiền lương đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
3. Năm tài chính của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm (theo năm dương lịch) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 26. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật về thuế và nộp các khoản thu tài chính với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI **TẬP THỂ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Điều 27. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

1. Người lao động tham gia quản lý Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam thông qua các hình thức và các tổ chức sau đây:

- a) Hội nghị người lao động (Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu);
- b) Tổ chức Công đoàn;
- c) Ban Thanh tra nhân dân.

2. Người lao động thực hiện quyền giám sát, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Nội dung tham gia quản lý của người lao động

Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau đây:

1. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

2. Các nội quy, quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

3. Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động.

4. Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm các chức danh chủ chốt của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo quy định về tổ chức cán bộ.

5. Thông qua Hội nghị người lao động (Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu) và tổ chức Công đoàn, có quyền thảo luận và biểu quyết để quyết định các vấn đề sau: sửa đổi, bổ sung nội dung thoả ước lao động tập thể để đại diện tập thể người lao động ký kết với Tổng giám đốc; quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với quy định của Nhà nước; đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

6. Bầu Ban Thanh tra nhân dân.

Chương VII

TỔ CHỨC LẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Điều 29. Tổ chức lại Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Việc tổ chức lại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2. Hội đồng thành viên xây dựng, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu về phương án tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.
3. Trường hợp tổ chức lại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam dẫn đến thay đổi hình thức pháp lý, nhiệm vụ hoạt động, vốn điều lệ thì Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam phải làm thủ tục đăng ký lại hoặc đăng ký bổ sung với cơ quan đăng ký kinh doanh.
4. Trình tự, thủ tục tổ chức lại thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cá nhân của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này.
2. Bộ Tài chính xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính.
3. Các vấn đề chưa nêu trong Điều lệ này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành./.